

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
đã được kiểm toán*

**Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính.**

Số chứng thực 1563 Quyển số 02 SCT/Bs

Ngày.....14..03..2013.....

**Chủ tịch UBND P. Phú Thuận - Q.7**



*Nguyễn Văn Đức*

**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-26

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### CÔNG TY

Công ty Thép Nhà Bè là doanh nghiệp Nhà Nước được chuyển đổi từ Nhà máy thép Nhà Bè – đơn vị trực thuộc Công ty Thép Miền Nam thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 157/QĐ-TCLĐ ngày 08 tháng 06 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Theo Quyết định số 2253 /QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công Nghiệp, Công ty Thép Nhà Bè đã xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2007 để cổ phần hóa. Công ty Thép Nhà Bè được cấp giấy phép kinh doanh và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103008871 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 25 Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, quận 7, TP.HCM.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Việt	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 27/03/2012
Ông Hà Cương Quyết	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/03/2012
Ông Nguyễn Minh Tính	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/03/2012
Ông Nguyễn Phùng Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2012
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Khiên	Thành viên	
Bà Vũ Thị Minh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Phan Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Tính	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/03/2012
Ông Nguyễn Phùng Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/03/2012

Thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Huy	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 27/03/2012
Ông Nguyễn Hải Bằng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27/03/2012

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Lê Việt

Tổng Giám đốc

Tp.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2013



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

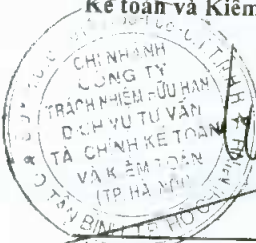
### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CN Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



**Bùi Văn Thảo**

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

Tp.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2013

**Lê Kim Yến**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0550/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>108.371.031.688</b>	<b>163.171.956.000</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>28.632.860.116</b>	<b>17.006.073.458</b>
111	1. Tiền		25.249.860.116	17.006.073.458
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.383.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>23.823.070.634</b>	<b>24.718.438.561</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		7.774.195.527	22.204.521.503
132	2. Trả trước cho người bán		12.500.922.085	2.483.232.543
135	5. Các khoản phải thu khác	4	3.547.953.022	30.684.515
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	5	<b>28.228.252.251</b>	<b>102.484.496.461</b>
141	1. Hàng tồn kho		28.583.874.661	102.484.496.461
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(355.622.410)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>27.686.848.687</b>	<b>18.962.947.520</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	376.964.710	75.000.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.874.653.541	17.423.631.972
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.399.380.436	1.388.587.638
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	35.850.000	75.727.910
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>89.711.904.968</b>	<b>16.867.622.646</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>86.329.344.968</b>	<b>16.867.622.646</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	9.536.880.573	11.437.666.968
222	- Nguyên giá		144.711.131.892	150.671.925.187
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(135.174.251.319)	(139.234.258.219)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	120.634.942	123.809.542
228	- Nguyên giá		1.329.483.600	1.329.483.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.208.848.658)	(1.205.674.058)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	76.671.829.453	5.306.146.136
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.382.560.000</b>	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	3.382.560.000	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>198.082.936.656</b>	<b>180.039.578.646</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

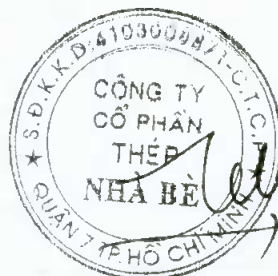
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		77.131.771.989	40.964.955.085
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		56.770.979.451	40.754.379.784
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	692.172.739	22.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		45.383.154.440	8.898.779.086
313	3. Người mua trả tiền trước		411.591.461	634.135.711
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.789.531.250	101.484.492
315	5. Phải trả người lao động		2.223.310.305	4.071.181.367
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	5.015.025.630	3.526.375.139
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		256.193.626	1.522.423.989
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		20.360.792.538	210.575.301
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	20.360.792.538	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	210.575.301
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		120.951.164.667	139.074.623.561
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	120.951.164.667	139.074.623.561
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		115.000.000.000	115.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.094.556.539	7.094.556.539
414	4. Cổ phiếu quỹ		(99.898.530)	(99.898.530)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(70.757.828)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.225.777.390	6.225.777.390
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.451.603.703	5.451.603.703
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	18.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(12.720.874.435)	5.455.342.287
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<u>198.082.936.656</u>	<u>180.039.578.646</u>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại - USD		379.956,44	202.713

*Nguyễn Quốc Anh Dũng*



Nguyễn Quốc Anh Dũng  
Kế toán trưởng

Lê Việt  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

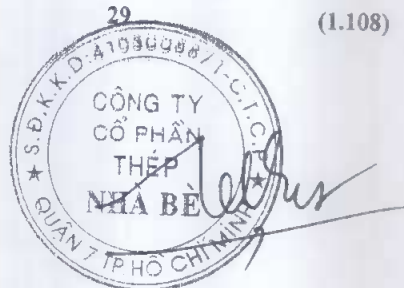
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012		Năm 2011	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	581.757.554.031		1.067.591.860.638	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.716.836.564		2.814.778.314	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	580.040.717.467		1.064.777.082.324	
11	4. Giá vốn hàng bán	21	566.081.114.071		1.039.808.118.417	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.959.603.396		24.968.963.907	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.079.355.310		3.086.065.869	
22	7. Chi phí tài chính	23	7.876.996.469		6.860.575.014	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.293.084.742		3.168.588.890	
23	8. Chi phí bán hàng	24	1.924.375.287		1.873.767.366	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20.609.024.478		13.465.449.119	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.371.437.528)		5.855.238.277	
31	11. Thu nhập khác	26	6.473.564.360		2.135.024.334	
32	12. Chi phí khác	27	4.823.001.267		676.805.572	
40	13. Lợi nhuận khác		1.650.563.093		1.458.218.762	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.720.874.435)		7.313.457.039	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-		1.733.739.171	
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-		124.375.581	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(12.720.874.435)		5.455.342.287	
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(1.108)		475	



Nguyễn Quốc Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Lê Việt  
Tổng Giám đốc  
Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013



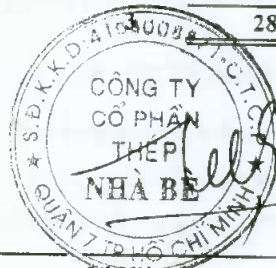
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(12.720.874.435)	7.313.457.039
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.966.994.177	2.496.436.918
04	- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		14.453.759	-
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.684.245.613)	(3.202.255.574)
06	- Chi phí lãi vay		2.293.084.742	6.825.287.683
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(11.130.587.370)	13.432.926.066
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.098.421.256)	31.278.920.018
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		73.900.621.800	(2.715.226.631)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		36.236.442.298	(30.612.957.416)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(301.964.710)	(75.000.000)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.907.250.050)	(3.168.588.890)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(9.075.655.867)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.835.014.798	566.891.715
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(144.511.362)	(4.547.291.714)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		94.389.344.148	(4.915.982.719)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(77.595.983.755)	(7.253.276.583)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		651.148.500	1.682.138.994
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(390.050.161)	2.230.283.191
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(77.334.885.416)	(3.340.854.398)
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH		-	(99.808.530)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		128.234.038.617	178.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(129.180.423.360)	(156.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.537.591.400)	(14.831.744.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.483.976.143)	7.068.446.670
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.570.482.589	(1.188.390.447)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.006.073.458	18.452.706.272
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		56.304.069	(258.242.367)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		28.632.860.116	17.006.073.458

Nguyễn Quốc Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Lê Việt

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Thép Nhà Bè là doanh nghiệp Nhà Nước được chuyển đổi từ Nhà máy thép Nhà Bè – đơn vị trực thuộc Công ty Thép Miền Nam thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 157/QĐ-TCLĐ ngày 08 tháng 06 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Theo Quyết định số 2253 /QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công Nghiệp, Công ty Thép Nhà Bè đã xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2007 để cổ phần hóa. Công ty Thép Nhà Bè được cấp giấy phép kinh doanh và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103008871 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 25 Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, quận 7, TP.HCM.

Vốn điều lệ của Công ty là 115.000.000.000 đồng và được chia thành 11.500.000 cổ phần.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thép;
- Mua bán các sản phẩm thép và nguyên liệu thép;
- Cán thép, các loại vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp, khí oxy, nitơ, argon (kể cả dạng lỏng);
- Mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị dẫn khí;
- Kinh doanh khai thác cảng nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất khí oxy, nitơ, argon;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, hệ thống cấp thoát nước, công trình hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Dịch vụ lưu trú du lịch: khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh khách sạn tại trụ sở);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2012 Ban Giám đốc Công ty quyết định không thực hiện điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất truy thu năm 2011 do xác định lại đơn giá thuê đất từ năm 2011 tại Công văn số 5012/STC-BVG ngày 04/06/2012 của Sở Tài chính. Toàn bộ tiền thuê đất truy thu do xác định lại giá thuê đất năm 2011 số tiền 5.579.062.500 đồng theo Thông báo nộp tiền thuê đất năm 2012 của Chi cục Thuế quận 7 được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2012 do việc tăng đơn giá thuê đất của Nhà nước là yếu tố khách quan.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## 2.3 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.